

Bản án số: 01/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 11/01/2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI CHÂU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vi Văn Tùng.

2. Ông Lương Khắc Tiếp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Khả Thị Thanh Loan.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Châu tham gia phiên tòa:
Ông Bùi Văn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2021/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2021 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐXX - ST ngày 03 tháng 12 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2021/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Triệu Thị H, sinh năm 1980; nơi cư trú: Bản N, xã Ch, huyện V, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Đặng Văn Q, sinh năm 1984; nơi cư trú: Xóm N, xã T, huyện M, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 02/8/2021 và Bản khai 05/8/2021 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Triệu Thị H đã trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị H và anh Đặng Văn Q qua tìm hiểu và tự nguyện kết hôn ngày 15/3/2012 tại UBND xã M (nay là T) huyện M, sau kết hôn hai vợ chồng sống với nhau tại xóm N, xã T huyện M, tỉnh Hòa Bình. Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu bình thường, nhưng từ năm 2017 đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp, không hiểu nhau, có lối sống, quan điểm khác nhau nên thường cãi chửi nhau, mặc dù họ hàng hai bên khuyên nhủ và hai vợ chồng cũng đã thay đổi để hàn gắn mâu thuẫn nhưng không được. Đến nay tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, xa cách, không còn quan tâm gì tới nhau, không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, nên từ năm 2017 đã không cùng chung

sống. Chính vì vậy đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng. Trường hợp Tòa án không cho ly hôn thì chị cũng không sống chung với anh Q.

Về con chung: Chị Triệu Thị H và anh Đặng Văn Q có với nhau hai con chung, con thứ nhất tên là Đặng Văn Kh, sinh ngày 16/9/2008 hiện đang ở với anh Q tại xóm N xã T, con thứ hai tên là Đặng Khánh H, sinh ngày 18/5/2012 đang ở với chị. Khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho anh Đặng Văn Q là người trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là Đặng Văn Kh, chị đề nghị được trực tiếp là người trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Đặng Khánh H, do mỗi người nuôi một con nên không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Quá trình chung sống chị Triệu Thị H và anh Đặng Văn Q không có tài sản chung, không vay nợ gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Đặng Văn Q, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Q, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án anh Đặng Văn Q không có văn bản nào gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị Triệu Thị H và không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Châu phát biểu quan điểm về vụ án như sau:

- Qua kiểm sát quá trình giải quyết vụ án thấy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mai Châu. Quá trình giải quyết Tòa án nhân dân huyện Mai Châu đã thụ lý, thu thập các tài liệu chứng cứ và tiến hành niêm yết theo thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ các quy định có liên quan của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay, đối với nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, cố tình trốn tránh gây khó khăn cho công tác giải quyết vụ án của Tòa án.

Ý kiến về giải quyết vụ án: Hôn nhân giữa chị H và anh Q là hợp pháp. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và trình bày tại phiên tòa của chị H thấy đã đủ căn cứ cho ly hôn và giải quyết việc nuôi con, tài sản chung, nợ chung theo yêu cầu của đương sự, chấp nhận là có căn cứ pháp luật, quy định tại các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Ngoài ra đề nghị xem xét giải quyết các vấn đề cần giải quyết khác trong vụ án đúng quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mai Châu theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Trước phiên họp và tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chị H không yêu cầu đương sự khác cung cấp chứng cứ cho mình, anh Q không có mặt tại Tòa trong quá trình giải quyết vụ án nên chị H không giao được chứng cứ cho anh Q.

[3] Việc không tổng đạt, thông báo được trực tiếp các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Đặng Văn Q đã được lập biên bản và niêm yết công khai theo quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về xét xử vắng mặt bị đơn: Theo kết quả xác minh ngày 10/11/2021 tại UBND xã T, huyện M, tỉnh Hòa Bình xác định anh Đặng Văn Q hiện nay có mặt tại nơi cư trú, vẫn sinh sống tại xóm N, xã T, khi được tổng đạt các văn bản của Tòa án thì cố tình trốn tránh không nhận, không ký biên bản giao nhận. Do vậy Tòa án nhân dân huyện Mai Châu đã tiến hành niêm yết các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật đối với anh Đặng Văn Q để làm căn cứ giải quyết vụ án. Tại phiên tòa bị đơn anh Đặng Văn Q vắng mặt lần thứ hai không có lý do khi đã được tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án để đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của các bên đương sự, cũng như đảm bảo thời hạn tố tụng Tòa án.

[5] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Triệu Thị H và anh Đặng Văn Q là tự nguyện, hợp pháp, được UBND xã T, huyện M, tỉnh Hòa Bình cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn anh chị sống chung với nhau tại xóm N, xã T, huyện M, tỉnh Hòa Bình. Căn cứ vào lời khai, các chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ, nhận thấy lời trình bày của chị H tại phiên tòa là đúng, có căn cứ, thể hiện từ năm 2017 đến nay mâu thuẫn lớn, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, xa cách, không còn quan tâm gì tới nhau, không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Đến nay hoàn toàn không còn tình cảm gì với nhau, đã không cùng chung sống từ năm 2017 đến nay, vì vậy đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc, tiến bộ không đạt được, chị còn trình bày Tòa án không cho ly hôn thì chị cũng không sống chung với anh Q. Do vậy cần chấp nhận giải quyết cho ly hôn theo yêu cầu của chị Triệu Thị H. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về con chung: Chị Triệu Thị H và anh Đặng Văn Q có với nhau hai con chung, con thứ nhất tên là Đặng Văn Kh, sinh ngày 16/9/2008, con thứ hai tên là Đặng Khánh H, sinh ngày 18/5/2012. Khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho anh Đặng Văn Q là người trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là Đặng Văn Kh và chị đề nghị được trực tiếp là người trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Đặng Khánh H, do mỗi người nuôi một con nên không bên nào phải

cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Xét thấy yêu cầu này phù hợp với điều kiện về trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, phù hợp với ý kiến, nguyện vọng của các con, phù hợp với thực tế con Đặng Văn Kh đang ở với anh Q, con Đặng Khánh H đang ở với chị H, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận.

[7] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Triệu Thị H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét giải quyết.

[8] Về án phí: Chị Triệu Thị H phải nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: Theo quy định của Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với bị đơn anh Đặng Văn Q vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Triệu Thị H được ly hôn anh Đặng Văn Q.

2. Về con chung: Giao con là Đặng Văn Kh, sinh ngày 16/9/2018 cho anh Đặng Văn Q là người trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao con là Đặng Khánh H, sinh ngày 18/5/2012 cho chị Triệu Thị H là người trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Triệu Thị H và anh Đặng Văn Q chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, chị Triệu Thị H và anh Đặng Văn Q có quyền thăm nom con mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Triệu Thị H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số 0000388 ngày 05/8/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mai Châu. Chị H đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án các đương sự có quyền kháng cáo bản án. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HB ;
- VKSND tỉnh HB;
- VKSND huyện MC;
- THA dân sự;
- UBND xã T;
- (Đăng ký ngày 15/3/2012);
- UBND xã Ch;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Phạm Thanh Tùng